

Số: 05/2019/QĐST-HNGĐ

B, ngày 21 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Âu Thị Thanh X.** Sinh năm 1996. Nơi ĐKKHKT: Thôn 1B, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh **Nông Đức D.** Sinh năm 1991. Nơi ĐKKHKT: Thôn 1B, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Đang chấp hành án tại Đội 3, phân trại số 3 Trại giam Phú Sơn 4 – Cục C10 - Bộ Công an.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Âu Thị Thanh X và anh Nông Đức D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Âu Thị Thanh X và anh Nông Đức D thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Chị Âu Thị Thanh X và anh Nông Đức D có 01 con

chung là Nông Đức A sinh ngày 30/6/2013, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau ly hôn chị X được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Chị X không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về vay nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí*: Chị Âu Thị Thanh X tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị X đã nộp theo biên lai thu số 08626 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Hoàn lại cho chị X số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Nông Đức D không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. B;
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã S;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Doanh